

Số: 79 /QC-UBND-TAND

Ninh Bình, ngày 10 tháng 9 năm 2018

QUY CHẾ

Phối hợp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình trong việc giải quyết các vụ án hành chính liên quan đến Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Tố tụng hành chính ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011

Để đảm bảo việc giải quyết các vụ án hành chính được kịp thời, đúng quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình thống nhất ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân tỉnh trong việc giải quyết các vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình với những nội dung như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định sự phối hợp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình với Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình trong việc cung cấp thông tin, hồ sơ tài liệu, chứng cứ, nguyên tắc làm việc khi giải quyết các vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình liên quan đến Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình trong quá trình giải quyết các vụ án hành chính.

Điều 3. Mục đích của việc phối hợp

Bảo đảm thực hiện thống nhất, hiệu quả trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết các vụ án hành chính của Tòa án nhân dân tỉnh và sự chỉ đạo thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác phối hợp tham gia tố tụng giải quyết các vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan và những quy định của pháp luật có liên quan; không làm ảnh

hường đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan có liên quan, nhằm đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất, chủ động và trách nhiệm để tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ nhau thực hiện tốt nhiệm vụ.

2. Bảo đảm chế độ bảo mật các thông tin, tài liệu liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phương thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến trực tiếp hoặc bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức các buổi làm việc.

3. Các hình thức khác (điện thoại, email, fax).

Chương II TRÁCH NHIỆM VÀ NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 6. Trách nhiệm phối hợp trong công tác giải quyết các vụ án hành chính

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh đảm bảo đúng thời hạn. Khi không thể cung cấp được phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi để Tòa án nhân dân tỉnh thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết các vụ án hành chính; kịp thời cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh về các thông tin, tài liệu, chứng cứ, các quy định về chế độ, chính sách có liên quan thuộc ngành mình phụ trách để phục vụ công tác giải quyết các vụ án hành chính đúng quy định.

c) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham gia xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, thực hiện các yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ khác của Tòa án nhân dân tỉnh.

d) Phân công người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh.

Người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia tố tụng đưa ra các ý kiến, quan điểm về giải quyết vụ án và chịu trách nhiệm trước người ủy quyền, trước pháp luật về các ý kiến, quan điểm đó; trường hợp không có quan điểm, ý kiến thì báo cáo kịp thời nội dung buổi đối thoại cho người ủy quyền để đưa ra quan điểm về vụ việc có liên quan.

đ) Tổ chức thi hành các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân tỉnh đúng thời hạn và quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tỉnh

a) Trong quá trình tiếp nhận, xử lý đơn khởi kiện vụ án hành chính liên quan đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh thông tin, trao đổi với Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc các cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi thụ lý vụ án để có thông tin đầy đủ, chính xác về các vấn đề liên quan đến nội dung khởi kiện của đương sự.

b) Gửi thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo kết quả giải quyết vụ án kịp thời tới Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các vụ án khởi kiện quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình giải quyết các vụ án hành chính.

d) Hướng dẫn rõ, cụ thể, thống nhất các trường hợp yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chuyên môn phối hợp, cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, chứng cứ cần thiết phục vụ cho quá trình giải quyết các vụ án hành chính; không yêu cầu cung cấp những thông tin, tài liệu và vấn đề không cần thiết, yêu cầu nhiều lần về một vấn đề, yêu cầu thời gian quá gấp hoặc yêu cầu những nội dung mà Ủy ban nhân dân tỉnh đã nêu rõ quan điểm xử lý, giải quyết trong Quyết định hành chính hoặc trong các văn bản trả lời người khiếu nại, người khởi kiện đã có trong hồ sơ vụ án.

đ) Ngoài tài liệu, chứng cứ mà các cơ quan, tổ chức đang quản lý, lưu giữ, nếu Tòa án nhân dân tỉnh có yêu cầu thu thập chứng cứ mới thì chủ động phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan để xác minh, thu thập, đánh giá tài liệu, chứng cứ mới theo quy định của pháp luật.

e) Có biện pháp cần thiết ngăn chặn việc lợi dụng quyền tự do, dân chủ tại các buổi làm việc, đối thoại để vu khống, bôi nhọ, xúc phạm cá nhân, cơ quan, tổ chức khi tham gia tố tụng.

f) Bố trí hợp lý và trao đổi trước về thời gian khi yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp chứng cứ, tham gia các buổi làm việc, đối thoại tại Tòa án nhân dân tỉnh hoặc tại Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Trách nhiệm phối hợp trong xử lý các tình huống vướng mắc trong việc phối hợp cung cấp tài liệu, chứng cứ

Trong quá trình thực hiện việc cung cấp tài liệu, chứng cứ do Tòa án nhân dân tỉnh yêu cầu, nếu vướng mắc thì cơ quan được yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ chủ động trao đổi với Tòa án nhân dân tỉnh và cùng nhau thảo luận đưa ra hướng giải quyết. Nếu không thể khắc phục được những vướng mắc đó thì mỗi bên báo cáo cơ quan cấp trên của mình đề xin ý kiến chỉ đạo.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

Giao Thanh tra tỉnh phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổ chức triển khai thực hiện các quy định nêu tại Quy chế này.

2. Tòa án nhân dân tỉnh chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế phối hợp này đối với các Tòa án chuyên trách thuộc Tòa án nhân dân tỉnh; triển khai việc

thực hiện nội dung Quy chế này đến những người tiến hành tố tụng giải quyết các vụ án hành chính.

Giao Tòa hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh giúp Tòa án nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổ chức triển khai thực hiện các quy định nêu tại Quy chế này.

Điều 9. Tổ chức tổng kết, đánh giá thực hiện Quy chế

Hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết để kiểm điểm, đánh giá việc phối hợp thực hiện Quy chế và đề ra các giải pháp khắc phục những tồn tại, vướng mắc (nếu có).

Cơ quan, tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Quy chế này được xem xét khen thưởng hàng năm tại cơ quan, đơn vị mình.

Cơ quan, tổ chức và cá nhân nào không chấp hành nghiêm các quy định của Quy chế này, gây ảnh hưởng đến công tác phối hợp thì tùy theo mức độ vi phạm bị xem xét kỷ luật theo quy chế công tác của mỗi cơ quan hoặc bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Điển

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
CHÁNH ÁN**



Mai Khanh

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- UBND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh án, các Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra TU, Ban Nội chính TU; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu QH, HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng TAND tỉnh.